

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P2+BK9	7:25	11+7+4	0+0+0		9+8+1	0+0+0	chuyen 1 CTK3-P2; 1 CTK3-BK9
2		CTK3-BK20+TD1	7:25	14+2+6	0+0		14+0+7	0+0	
3		RP2+BK20-CTK3	9:25	15+0+7	0+0+0		2+0+16	0+0+0	CHUYEN 2 BK20-CTK3
4		RC5+RP1+P8	9:25	4+10+8	0+0+0		0+1+0	0+0+0	chuyen 1 rc5-rp1
5		CNV- RP1 BK9+TD1+ RP1	11:25	9+7+6	0+0+0		7+8+6	0+0+0	

TTBDSX

RP3

12:40

(Trên địa bàn)

Cấp cao nhất
KVLK 5/26

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ đi về trong ngày BK14-4ng, BK9-3ng (1 ng sang từ CTK3)



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - P2 - BK9	CREW: VThắng - HTrung - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TAM	CTK3	05-06	2	17		65	YTE	Vietnamese
2	PHAM ĐỨC BÌNH	CTK3	13-14	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	16	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	02	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	55	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HA MINH GIANG	CTK3	03	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI KHAC PHONG	CTK3	43	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	11	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	07	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TUƠNG	CTK3	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	15	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH HIỆU	P2	54	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN BA TIẾN	P2	60	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN HỮU MINH	P2	61-62	2	12	15	80	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN VIỆT	P2	59	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRỊNH ĐẮC HÙNG	P2	52-53	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẠO HỮU TUYẾN	P2	57-58	2	19		76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VINH THAO	P2	55-56	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
19	BAMBUROVE	BK9	38	1	2		98	KH-THAC	Russian
20	KPAMAPEHKO B.B.	BK9					72	KH-THAC	Russian
21	VÕ NGỌC CHÍNH	BK9	40	1	5	30	85	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO VĂN KHA KHA	BK9	39	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	13	90	786	0	9	2	CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG P2, CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK9
2	P2	7	11	105	488	15	8		
3	BK9	4	3	18	340	30	1		
TOTAL		22	27	213	1.614	45	18		
WEIGHT KG				213	1.614	45			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2024	TO: CTK3 - BK20 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIÊN - ĐNam - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DANH TUÂN	CTK3	72	1	5	19	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG CÔNG	CTK3	83	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DAN	CTK3	69-70	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	80-81	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	77	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH QUANG	CTK3	76	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	CTK3	84-86	3	15		89	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	67-68	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SY LONG	CTK3	73	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TUÂN	CTK3	75	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUANG THAI	CTK3	79	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3	71	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	82	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CANH HUNG	CTK3	66	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	BK20	32	1	8	4	72	KH-THAC	Vietnamese
17	VU TRUNG KIẾN	BK20	33	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG VINH	TD1				26	103	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THẮNG	TD1	98	1	3		58	NIPI	Vietnamese
20	TRẦN KHOA TRƯỜNG	TD1	92	1	4		77	NIPI	Vietnamese
21	TRẦN ĐAN QUÊ	TD1	93	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ANH TUÂN	TD1	94	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	20	142	1.131	19	15		
2	BK20	2	2	13	149	4	0		
3	TD1	5	4	27	389	26	7		
TOTAL		22	26	182	1.669	49	22		
WEIGHT KG				182	1.669	49			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP2 - BK20 - CTK3	CREW: VThắng - HTrung - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

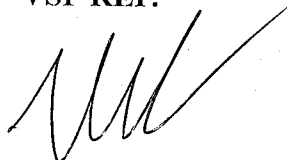
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH THỌ	RP2	62	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
2	HA MẠNH DŨNG	RP2	09	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHIÊU	RP2	46	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN THIÊN	RP2	63	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	RP2	44-45	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SẮC	RP2	52-54	3	19		68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUANG KHU	RP2	60-61	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	RP2	48-49	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN PHÚC HIỆN	RP2	50-51	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM TUÂN KHANH	RP2	47	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀ QUANG THẮNG	RP2	66-67	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RP2	55-56	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN HỮU MINH	RP2	64-65	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	RP2	68-69	2	19	20	66	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG VŨ	RP2	57-58	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ CHÍ CÔNG	CTK3	78	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY HOÀNG	CTK3	09	1	10	20	84	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH VIỆT THẮNG	CTK3	08	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	12	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ XUÂN TÂM	CTK3	10	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
21	CU XUÂN HUY	CTK3	04	1	8		60	HVJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	26	233	1.031	20	0		CHUYEN 2 PAX BK20-CTK3
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	6	6	45	445	20	16		
TOTAL		21	32	278	1.476	40	16		
WEIGHT KG				278	1.476	40			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

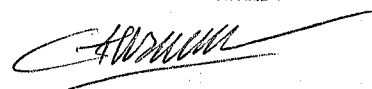
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	TO: RC5 - RP1 - P8	CREW: CHIẾN - ĐNam - NNam	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN CẢNH	RC5	95-96	2	21		61	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU PHƯỚC	RC5	73-74	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH KIẾT	RC5	75-76	2	25		71	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ XUÂN CHÍNH	RC5	94	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHÙNG QUỐC VIỆT	RP1	99	1	10	32	83	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG KHÁC CUÔNG	RP1	96	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN CHUNG	RP1	89-90	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM MINH TRUNG	RP1	300	1	16		87	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG CHUNG	RP1	97-98	2	21		58	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN LẬP	RP1	95	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM KHÁNH	RP1	93-94	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RP1	88	1	14		80	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HẠO	RP1	86-87	2	22		77	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC VIỆT	RP1	91-92	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH NGỌC CHÍNH	P8	20-21	2	15		67	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU MẠNH	P8	22	1	6		76	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	P8	27-28	2	10		52	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	P8	25-26	2	11		77	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT VỊ	P8	73	1	10		62	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC SANG	P8	19	1	8		58	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
21	BUI XUÂN CUÔNG	P8	29-30	2	15		62	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
22	LÊ VĂN UÂN	P8	23-24	2	11		59	BIÊN ĐÓN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	7	73	272	0	0	1	Chuyen 1 pax RC5-RP1
2	RP1	10	15	168	695	32	1		
3	P8	8	13	86	513	0	0		
TOTAL		22	35	327	1,480	32	1		
WEIGHT KG				327	1,480	32			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2024	TO: CNV - BK9 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - Son - Tú	ETA: 14:00
VANG-3			

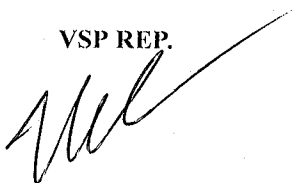
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	40	1	9	95	80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THAI	CNV	37-38	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	34	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HAO	CNV	36	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	39	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THẢO	CNV	35	1	5		76	PSV	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	54	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	55	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN SƠN TÙNG	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TUYẾT	BK9	43	1	14		77	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	BK9	57-58	2	20		64	DVL	Vietnamese
12	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	BK9	41-42	2	20		73	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI ĐĂNG	BK9	44-45	2	19		85	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐAM	BK9	53	1	8		69	DVL	Vietnamese
15	PHAN TIỀN CƯỜNG	BK9	56	1	4		59	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRI CHUNG	TD1	97	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	TD1	93	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN ANH ĐỨC	TD1	96,397	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH HUY	TD1	95	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN BÌNH	TD1	94	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	TD1	98	1	5		72	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN PHONG	TD1	99,41	2	12		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

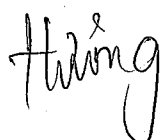
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	7	41	414	95	6		
2	BK9	9	11	92	639	0	7		
3	TD1	7	9	49	467	0	7		
TOTAL		22	27	182	1.520	95	20		
WEIGHT KG				182	1.520	95			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

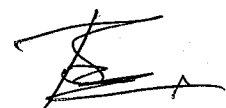
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:45
FLIGHT: CAP CI	FROM: VT	CREW: Dương - XTrường - DTùng	ETA: 15:00

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC BAO	RP3				100	50	BSI	Vietnamese
2	LUONG QUOC TRUNG	RP3					65	BSI	Vietnamese
3	PHAN TAT THANG	RP3					60	BSI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	3	0	0	175	100	4		THẢO GHẾ LẮP CĂNG VSP.
TOTAL		3	0	0	175	100	4		
WEIGHT KG				0	175	100			

GRAND TOAL: 275 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN